Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 04.01.2021 16:38:55 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3374 /UBND-NC V/v phê duyệt đối tượng thực hiện tinh giản biên chế đợt 01 năm 2021	*Tây Ninh, ngày 31 tháng 12 năm 2020*

Kính gửi:
- Sở Nội vụ;
- Sở Tài chính.

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ, về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách về tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Sau khi xem xét Tờ trình số 933/TTr-SNV ngày 31/12/2020 của Giám đốc Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Đồng ý thực hiện chính sách tinh giản biên chế đối với 18 trường hợp, trong đó:

- Được hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi: 14 trường hợp, kinh phí thực hiện chế độ nghỉ hưu trước tuổi là: 2.419.638.000 đồng *(hai tỷ bốn trăm mười chín triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn đồng)*;

- Được hưởng chính sách thôi việc ngay: 04 trường hợp, kinh phí dự kiến thực hiện chế độ thôi việc ngay là: 1.066.934.000 đồng *(một tỷ không trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn đồng)*.

(Kèm theo danh sách phê duyệt).

2. Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính chịu trách nhiệm:

- Sở Nội vụ chịu trách nhiệm thực hiện thẩm định đối tượng thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo đúng các quy định tại Nghị định số 143/2020/NĐ-CP; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, đảm bảo đúng nguyên tắc, trình tự, đối tượng thực hiện tinh giản biên chế và diễn biến tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh của từng đối tượng tinh giản biên chế;

- Sở Tài chính chịu trách nhiệm thẩm định nguồn kinh phí chi trả và kinh phí chi trả cho các đối tượng thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo đúng các

quy định tại Nghị định số 143/2020/NĐ-CP; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP.

Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ Nội vụ (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- BHXH tỉnh Tây Ninh;
- Ban TCTU Tây Ninh;
- LĐVP, PNC;
- Sở LĐTBXH;
- Sở GDĐT;
- Sở Y tế;
- UBND huyện Bến Cầu;
- UBND huyện Châu Thành;
- Lưu: VT.

K.Quý

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

Biểu số 2

TỔNG HỢP CHUNG DANH SÁCH TINH GIẢN BIÊN CHẾ VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỢT 01 CỦA NĂM 2021

(Kèm theo Công văn số 3374/UBND-NC ngày 31/12/2020 của Uỷ ban nhân dân tỉnh)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương, ngạch bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		PC thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương, ngạch bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng	Tiền lương tháng để tính TC nghỉ hưu trước tuổi, đo đúng BHXH	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ	Bao gồm		Lý do tinh giản
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số lương	Thời điểm hưởng			Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc độc hại hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu, nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị,Quỹ Hỗ trợ lao động dôi dư	Ngân sách nhà nước cấp	
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
1	**Khối hành chính**																													
	Cấp huyện, tỉnh																													
	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội																													
1	Nguyễn Thị Nhiễn	25/04/1968	ĐH ngành Tài chính - kế toán	Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	4,98	01/07/2014	0,7	15/9/2014 đến nay			5% 6% 7% 8%	01/7/2017 01/7/2018 01/7/2019 01/7/2020					10,544	8,029	31 năm 11tháng		52 tuổi 10 tháng	01/03/2021	x				144,524		144,524	Theo điểm g, khoản 1, Điều 6, NĐ 108, được sửa đổi bổ dung tại Khoản 2, Điều 1, NĐ 113: "... trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế có tổng số ngày nghỉ làm việc bằng hoặc cao hơn số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật bảo hiểm xã hội, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý. Năm 2020 nghỉ 62 ngày điều trị bệnh theo BHXH
	Khối sự nghiệp																													
	Sở Giáo dục và Đào tạo																													
2	Trịnh Văn Paul	15/12/1965	Đại học sư phạm	Giáo viên dạy môn Tiếng Anh, Trường THPT Dương Minh Châu	4,98	01/12/2011			27% 28% 29% 30% 31% 32%	01/8/2015 01/8/2016 01/8/2017 01/8/2018 01/8/2019 01/8/2020	6% 7% 8% 9% 10% 11%	01/12/2015 01/12/2016 01/12/2017 01/12/2018 01/12/2019 01/12/2020			4,65	01/12/2008	10,595	9,541	33 năm 6 tháng		55 tuổi 3 tháng	01/4/2021	x				255,225		255,225	Theo điểm g, khoản 1, Điều 6, NĐ 108, được sửa đổi bổ dung tại Khoản 2, Điều 1, NĐ 113: "... trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế có tổng số ngày nghỉ làm việc bằng hoặc cao hơn số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật bảo hiểm xã hội, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý. Năm 2019 nghỉ 138 ngày điều trị bệnh theo BHXH
	Sở Y tế																													
3	Nguyễn Thành Đa	10/04/1963	Trung cấp	y sĩ hạng IV, TT Y tế huyện Dương Minh Châu	4,06	9/2014	0,15	8/2009-10/2019			5% 6% 7% 8% 9%	9/2016 9/2017 9/2018 9/2019 9/2020					6,594	5,933	28 năm 4 tháng		57 tuổi 8 tháng	01/01/2021	x				102,343		102,343	Theo Điểm b, Khoản 1, Điều 6 Nghị định 108; không có bằng tốt nghiệp THPT
4	Phạm Thanh Long	16/02/1964	không	Lái xe Trung tâm y tế huyện Dương Minh Châu	4,03	01/2004					16% 17% 18% 19% 20% 21%	01/2015 01/2016 01/2017 01/2018 01/2019 01/2020					7,326	6,515	40 năm 7 tháng		57 tuổi	01/03/2021	x				166,086		166,086	Theo Điểm b, Khoản 1, Điều 6 Nghị định 108; biên chế viên chức không có trình độ chuyên môn

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương, ngạch bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		PC thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương, ngạch bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng	Tiền lương tháng để tính TC nghỉ hưu trước tuổi, đo đóng BHXH	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ	Bao gồm		Lý do tinh giản
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số lương	Thời điểm hưởng			Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc độc hại hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồnthu, nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị,Quỹ Hỗ trợ lao động dôi dư	Ngân sách nhà nước cấp	
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
5	Nguyễn Văn Lộc	15/05/1964	Trung cấp	y sĩ hạng IV, TT Y tế huyện Tràng Bàng	4,06	01/2010					8% 9% 10% 11% 12% 13%	01/2015 01/2016 01/2017 01/2018 01/2019 01/2020					6.775	5.965	39 năm		56 tuổi 7 tháng	01/01/ 2021	x				152,403		152,403	Theo Điểm g, Khoản 2, Điều 1 NĐ 113: năm 2019: 60 ngày; năm 2020: nghỉ 60 ngày
6	Nguyễn Hiếu Nhân	28/08/1963	Bác sĩ	Giám đốc TT Y tế thị xã Hòa Thành	5.76	02/2018	0.8	12/2013 đến nay							5,42 5,76	8/2014 02/2018	9.774	8.550	31 năm 10 tháng		57 tuổi 6 tháng	01/03/ 2021	x				162,458		162,458	Theo Điểm g, Khoản 2, Điều 1 NĐ 113: năm 2019: 60 ngày; năm 2020: nghỉ 60 ngày; bị kéo dài thời gian nâng bậc lương thường xuyên 06 tháng do bị kỷ luật
7	Đặng Văn Tươi	20/03/1967	Sơ cấp	Y tá TT y tế huyện Dương Minh Châu	3,63	01/09/ 2012					7% 8% 9% 10% 11%	9/2016 9/2017 9/2018 9/2019 9/2020			3.63	01/09/2012	6.004	5.291	28 năm 4 tháng		53 tuổi 9 tháng	01/01/ 2021			x		244,216		244,216	Theo Điểm b Khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 108: dôi dư do cơ cấu lại cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm
8	Lâm Văn Trường	15/4/1966	Đại học Luật	Dân số viên hạng III. TTYT huyện Bến Cầu	4,98	01/03/ 2013	0,3	Từ tháng 10/2008 đến tháng 02/2020			5% 6% 7% 8% 9%	3/2016 3/2017 3/2018 3/2019 3/2020	0,3	Từ tháng 03/2020 đến tháng 08/2020	4,98	01/03/2013	7.893	7.524	34 năm 2 tháng		54 tuổi 8 tháng	01/01/2021			x		408,006		408,006	Theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 NĐ113: Thời gian chức vụ đã giải thể Trung tâm DS-KHHGĐ theo Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 16/3/2020.
	Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành																													
9	Nguyễn Đăng Như	23/01/1963	Đại học sư phạm	GV Trường Tiểu học Tua Hai	4,32	01/9/ 2018			32% 33% 34% 35% 36% 37%	01/3/2015 01/3/2016 01/3/2017 01/3/2018 01/3/2019 01/3/2020					3,99	01/12/2015	8.818	7.442	39 năm 2 tháng		58 tuổi	01/02/ 2021	x				159,994		159,994	Theo Điểm e, Khoản 2, Điều 1 Nghị định 113/2018/NĐ-CP ; có kết quả đánh giá năm học 2019-2020 mức: Không hoàn thành nhiệm vụ + Ghi chú: Được NLTTH 03 tháng của bậc 6/9 lên 7/9
10	Nguyễn Thị Minh	27/11/1970	Đại học sư phạm	GV Trường Tiểu học Thanh Điền	4,06	01/10/201 3			25% 26% 27% 28% 29% 30%	01/7/2015 01/7/2016 01/7/2017 01/7/2018 01/7/2019 01/7/2020	5% 6% 7% 8% 9%	01/10/2015 01/10/2016 01/10/2017 01/10/2018 01/10/2019			3.86	01/10/2011	8.572	7.597	32 năm 3 tháng		50 tuổi 4 tháng	01/04/ 2021	x				199,424		199,424	Theo Điểm e, Khoản 2, Điều 1 Nghị định 113/2018/NĐ-CP ; có kết quả đánh giá năm học 2019-2020 mức: Không hoàn thành nhiệm vụ
11	Lê Thị Ngọc Đẹp	04/04/2969	Đại học sư phạm	GV Trường THCS Thành Long	4,98	01/12/201 9			22% 23% 24% 25% 26% 27%	01/9/2015 01/9/2016 01/9/2017 01/9/2018 01/9/2019 01/9/2020					4,32 4,65	01/12/2013 01/12/2016	9.424	7,881	29 năm 4 tháng		51 tuổi 9 tháng	01/02/ 2021	x				163,527		163,527	Theo Điểm e, Khoản 2, Điều 1 Nghị định 113/2018/NĐ-CP ; có kết quả đánh giá năm học 2019-2020 mức: Không hoàn thành nhiệm vụ
12	Trần Thị Hồng Hòa	08/03/1970	Đại học sư phạm	GV Trường THCS Thành Long	4,98	10/12/201 8			21% 22% 23% 24% 25% 26%	01/9/2015 01/9/2016 01/9/2017 01/9/2018 01/9/2019 01/9/2020					4,65	10/12/2015	9.349	8,014	28 năm 4 tháng		50 tuổi 10 tháng	01/02/ 2021	x				178,323		178,323	Theo Điểm e, Khoản 2, Điều 1 Nghị định 113/2018/NĐ-CP ; có kết quả đánh giá năm học 2019-2020 mức: Không hoàn thành nhiệm vụ
13	Nguyễn Thị Ngọc Lan	15/01/1969	Đại học sư phạm	GV Trường THCS Thành Long	4,98	01/10/201 6	0,15	1/11/20 12	24% 25% 26% 27% 28%	01/9/2016 01/9/2017 01/9/2018 01/9/2019 01/9/2020	5%	01/10/2019			4,65 4,98	01/4/2014 01/10/2016	9,973	8,979	30 năm 9 tháng		52 tuổi 4 tháng	01/06/ 2021	x				186,338		186,338	Theo Điểm e, Khoản 2, Điều 1 Nghị định 113/2018/NĐ-CP ; có kết quả đánh giá năm học 2019-2020 mức: Không hoàn thành nhiệm vụ + Nâng lương TTH 06 tháng

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương, ngạch bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		PC thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương, ngạch bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng	Tiền lương tháng để tính TC nghỉ hưu trước tuổi, đo đóng BHXH	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ	Bao gồm		Lý do tinh giản
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số lương	Thời điểm hưởng			Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc độc hại hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồnthu, nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị,Quỹ Hỗ trợ lao động đối dư	Ngân sách nhà nước cấp	
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
	Ủy ban nhân dân huyện Bến Cầu																													
14	Huỳnh Minh Chi	1963	DH Sư phạm, chuyên ngành GDTH	Hiệu trưởng Trường TH Long Khánh A	4,98	7/2012	0,4 0,3	+ 4/2009-6/2017 + 7/2017 đến nay	32% 33% 34% 35% 36% 37%	12/2015 12/2016 12/2017 12/2018 12/2019 12/2020	5% 6% 7% 8% 9% 10%	7/2015 7/2016 7/2017 7/2018 7/2019 7/2020			4,65	7/2009	11.795	10,258	38 năm 4 tháng		58 tuổi	01/1?/2021	x				207,715		207,715	Theo điểm d, khoản 2, Điều 1, Nghị định 113/2018/NĐ-CP - Năm học 2018-2019: xếp loại viên chức HTNV nhưng còn hạn chế về năng lực - Năm học 2020-2021: xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ.
15	Nguyễn Văn Út	28/11/1977	Đại học Sư phạm	Giáo viên Trường Tiểu học Long Khánh A	3,86	01/12/2019			16% 17% 18% 19% 20% 21% 22%	12/2014 12/2015 12/2016 12/2017 12/2018 12/2019 12/2020					3,26 3,46 3,66	12/2013 12/2015 12/2017	7,017	5,832	24 năm		43 tuổi 1 tháng	01/01/2021				x	230,999	21,050	209,949	Theo Điểm e, Khoản 2, Điều 1 Nghị định 113/2018/NĐ-CP.Năm học 2019-2020, ông Nguyễn Văn Út được xếp loại viên chức "Không hoàn thành nhiệm vụ" và có Đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế.
16	Võ Tú Toàn	27/6/1981	Trung học Sư phạm	Giáo viên Trường Tiểu học Long Chữ	3,66	01/12/2019			14% 15% 16% 17% 18% 19%	5/2015 5/2016 5/2017 5/2018 5/2019 5/2020					3,26 3,46 3,66	5/2015 5/2017 5/2019	6,490	5,474	20 năm 2 tháng		40 tuổi 2 tháng	01/01/2021				x	183,713	19,469	164,244	Theo quy định tại điểm a, khoản 1, điều 6 Nghị định 108/2014/NĐ-CP:" Đối dư do rà soát sắp xếp lại tổ chức bộ máy nhân sự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền..." - Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND huyện về việc sáp nhập Trường tiểu học Long Chữ A và Trường tiểu học Long Chữ B. Sau khi sáp nhập, Giáo viên tiểu học của Trường Tiểu học Long Chữ dôi dư 5, trên toàn huyện, Giáo viên tiểu học dôi dư 14,9 (theo Thông tư 16/2017/TT-BGD&ĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)
	Khối Đảng, Đoàn thể																													
17	Lê Văn Mức	1966	Không	Nhân viên Văn thư Văn phòng Thành ủy	3,33	10/2004					22% 23% 24% 25% 26% 27%	05/2015 05/2016 05/2017 05/2018 05/2019 05/2020					5,585	38 năm 7 tháng		55 tuổi	01/01/2021	x					164,760		164,760	Theo điểm c, khoản 2, Điều 1 Nghị định 113/2018/NĐ-CP. Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí
18	Lục Quốc Hiệp	22/9/1965	Y sĩ đa khoa	Chuyên viên Ban tuyên giáo Huyện ủy Dương Minh Châu	4,98	01/2016	0,25	1/1/2016-3/2019			5% 6%	01/2019 01/2020					7,060	31 năm 10 tháng		55 tuổi	01/01/2021	x					176,518		176,518	Theo điểm c, khoản 2, Điều 1 Nghị định 113/2018/NĐ-CP. Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí
	Tổng																										3,486,572	40,519	3,446,053	